

UBND HUYỆN ĐẮK SONG
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN TRỖI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 18/BC-NVT

Năm N'Jang, ngày 28 tháng 05 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 – 2023

Phần I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2022 - 2023

I. Việc phát triển mạng lưới trường, lớp; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia.

1. Phát triển quy mô trường, lớp, học sinh, giáo viên. (Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2021 - 2022).

- Tổng số lớp: 16 lớp (không tăng giảm so với năm học 2021 – 2022).

- Tổng số học sinh đầu năm học: 674 học sinh (giảm 13 em so với năm học 2021 – 2022).

- Tổng số học sinh cuối năm học: 671 học sinh (giảm 03 em so với năm học 2021 – 2022).

- Số học sinh giảm so với đầu năm: 03 em;

- Đội ngũ: Tổng số CBQL, GV và NV là 40 trong chỉ tiêu biên chế được giao (không tính HĐ 68). Trong đó CBQL: 02 người; giáo viên đứng lớp: 30 người; TPTĐ 01 người; nhân viên: 4 người (01 HĐ 68). (Giảm 01 giáo viên đứng lớp so với năm học 2021 – 2022).

2. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

2.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2021 -2022

Trường THCS Nguyễn Trãi đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 vào tháng 5 năm 2020 và tiếp tục duy trì trường đạt chuẩn quốc gia trong những năm tiếp theo.

2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại: Một số tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học chưa đáp ứng được yêu cầu trường đạt chuẩn quốc gia được quy định tại thông tư 18/2018/TT-BGDĐT về kiểm định chất lượng, công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Nguyên nhân: Kinh phí đầu tư còn hạn hẹp.

3. Công tác phổ cập giáo dục (Đối với phòng GD&ĐT)

3.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2021-2022.

Năm học 2022-2023 trường THCS Nguyễn Trãi được công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ mức độ 2; năm học 2021 -2022 được công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ mức độ 1.

3.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

II. Kết quả nâng cao chất lượng giáo dục trung học

1. Kết quả đánh giá hạnh kiểm học sinh trung học (so sánh tỷ lệ học sinh đạt hạnh kiểm tốt năm học 2021-2022).

Lớp	Số lớp	Tổng số HS	HS Nữ	HẠNH KIỂM (Tổng số)							
				Tốt		Khá		TB Đạt(6)		Yếu Chưa đạt(6)	
				SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
6	4	183	86	149	81.4%	32	17.5%	2	1.1%	0	0.0%
7	4	149	75	110	73.8%	30	20.1%	9	6.0%	0	0.0%
8	4	160	82	125	78.1%	34	21.3%	0	0.0%	1	0.6%
9	4	179	87	163	91.1%	16	8.9%	0	0.0%	0	0.0%
Cộng:	16	671	330	547	81.5%	112	16.7%	11	1.6%	1	0.1%

Kết quả đánh giá học sinh đạt hạnh kiểm năm học 2022– 2023 giảm so với năm học 2021 – 2022.

2. Kết quả đánh giá học lực học sinh trung học (so sánh tỷ lệ học sinh đạt học lực khá, giỏi với năm học 2021 - 202).

Lớp	HỌC LỰC (Tổng số)									
	Giỏi Tốt(6)		Khá		TB Đạt(6)		Yếu Chưa đạt(6)		Kém	
	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
6	31	16.9%	42	23.0%	107	58.5%	3	1.6%		0.0%
7	8	5.4%	62	41.6%	72	48.3%	7	4.7%		0.0%
8	28	17.5%	80	50.0%	46	28.8%	6	3.8%	0	0.0%
9	43	24.0%	115	64.2%	21	11.7%	0	0.0%	0	0.0%
Cộng:	110	16.4%	299	44.6%	246	36.7%	16	2.4%	0	0.0%

Kết quả đánh giá học sinh đạt học lực giỏi năm học 2022- 2023 tăng so với năm học 2021 – 2022; Kết quả học lực yếu(chưa đạt) giảm.

Cụ thể

1. 110 học sinh giỏi toàn diện năm học 2022-2023
2. 238 học sinh tiên tiến năm học 2022-2023
3. 03 học sinh tiên tiến học kỳ năm học 2022-2023

4. 40 học sinh có tiến bộ trong học tập năm học 2022-2023
5. 21 học sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi văn hóa cấp huyện năm học 2022-2023
6. 04 học sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh năm học 2022-2023
7. 04 học sinh đạt giải Hội thi Hùng Biện tiếng Anh cấp tỉnh năm học 2022-2023
8. 35 học sinh đạt giải kỳ thi Violympic các bộ môn Toán Tiếng Việt; Toán Tiếng Anh; IOE trên internet cấp tỉnh, cấp quốc gia, năm học 2022-2023
9. 09 học sinh có sản phẩm đạt giải SP STTTNNĐ; KHKT; vẽ tranh
10. 34 học sinh có thành tích xuất sắc trong công tác Đội.

Nguyên nhân: Nhà trường đã thực hiện các biện pháp giáo dục để nâng cao chất lượng dạy học như đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá, tăng cường công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém. Tổ chức và tham gia các cuộc thi một cách nghiêm túc, hiệu quả.

3. Tình hình và kết quả công tác chỉ đạo, tổ chức và quản lý hoạt động chuyên môn trong trường trung học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

3.1. Tình hình và kết quả triển khai thực hiện Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Việc triển khai hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã chỉ đạo cho các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đối với tất cả các môn học và hoạt động giáo dục khối 6,7 theo hướng dẫn Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng một cách bài bản, chi tiết phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Việc triển khai hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 được tổ chức theo đúng hướng dẫn của chương trình.

Rà soát nội dung các bài học trong sách giáo khoa hiện hành tương ứng với chủ đề đó để sắp xếp lại thành một số bài học tích hợp của từng môn học hoặc liên môn; từ đó xây dựng kế hoạch giáo dục cho từng môn học, hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường;

3.2. Tình hình và kết quả đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; các mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục sáng tạo của địa phương.

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng

lực của học sinh trong quá trình dạy học; chủ yếu tổ chức cho học sinh thuyết trình, thảo luận, báo cáo sản phẩm, kết quả học tập; dành nhiều thời gian học trực tiếp trên lớp cho việc luyện tập, thực hành, thí nghiệm.

Tổ chức soạn giảng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh ngay từ đầu năm học đối với học sinh lớp 6,7 theo công văn 5512/BGDĐT ngày 18/12/2020;

Chuyên môn nhà trường thường xuyên chỉ đạo các tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu nội dung bài học. Từ đó tìm ra các giải pháp để nâng cao chất lượng dạy học và kiểm tra đánh giá cho mỗi chủ đề, bài học. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá luôn được chú trọng.

Nhà trường, tổ nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh.

Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ theo hướng dẫn thông tư 26/2020/TT-BGDĐT sửa đổi Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học và thông tư 58/2011/TT-BGDĐT về Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông; Chỉ đạo và tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy chế ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm và nhận xét, đánh giá HS trong việc thi và kiểm tra; đảm bảo thực chất, khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của HS.

Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với HS: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc HS báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Có phần nhận xét kết quả học tập của HS bằng lời.

3.3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại: Kết quả đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh bước đầu chưa thực sự hiệu quả.

- Hạn chế: Giáo viên mới bước đầu làm quen với phương pháp mới, còn ngại trong việc đổi mới hình thức tổ chức dạy học, phần nhận xét còn mang tính chung chung, chưa bám sát phẩm chất, năng lực đặc thù từng môn học.

- Nguyên nhân: Đổi mới chưa đồng bộ trong học liệu với phương pháp, hình thức tổ chức. SGK cũ nhưng sử dụng phương pháp mới gây khó khăn cho giáo viên

trong công tác dạy và học, mất nhiều thời gian để biên soạn lại cho phù hợp với hình thức dạy học.

4. Tình hình và kết quả triển khai giáo dục hướng nghiệp, giáo dục nghề phổ thông và công tác phân luồng học sinh sau THCS và THPT theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 1223/KH-BGDDT ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông giai đoạn 2018-2025” và kế hoạch 1094/QĐ-UBND ngày 17/7/2008 của UBND tỉnh Đắk Nông”.

4.1. Giải pháp triển khai giáo dục hướng nghiệp phân luồng học sinh sau trung học cơ sở (THCS) và THPT

- Hoạt động giáo dục hướng nghiệp: Nhà trường luôn xác định mục tiêu giáo dục cho từng đối tượng HS; giáo viên bộ môn, GVCN, Đoàn, Đội phối kết hợp chặt chẽ để thực hiện hiệu quả mục tiêu giáo dục. Hoạt động Giáo dục hướng nghiệp đã được chú trọng và đưa vào chương trình giáo dục đối với học sinh lớp 9, thời lượng hoạt động giáo dục hướng nghiệp được bố trí 9 tiết/lớp/năm học

- Hoạt động giáo dục nghề phổ thông: Nhà trường không trực tiếp tổ chức các lớp dạy nghề do điều kiện cơ sở vật chất và nguồn nhân lực. Thực hiện giáo dục nghề thông qua công tác giáo dục hướng nghiệp đối với học sinh lớp 9.

- Mời các đơn vị tại các cơ sở GDNN-GDTX huyện Đắk Song tham gia tập huấn tư vấn nghề cho đối tượng HS khối 9.

4.2. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2021-2022 (có số liệu và tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS hàng năm không vào THPT và bỏ túc THPT);

- Tổng số thí sinh được công nhận tốt nghiệp: 179 thí sinh

* Trong đó: + Xếp loại giỏi: 43 thí sinh

+ Xếp loại Khá: 115 thí sinh

+ Xếp loại Trung bình: 21 thí sinh

+ Số thí sinh Nữ: 87 thí sinh

+ thí sinh người dân tộc: 15 thí sinh

+ Thí sinh tự do tốt nghiệp: 0 thí sinh

+ Thí sinh tốt nghiệp diện 2: 179 thí sinh

- Tổng số thí sinh không công nhận tốt nghiệp: 0 thí sinh

Năm học 2022 – 2023 nhà trường có 179 em được công nhận tốt nghiệp THCS.

Trong đó, 179 em tiếp tục học chương trình THPT.

4.3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại: Tỷ lệ HS tham gia học tại các cơ sở GDTX, GDNN chưa cao.
- Hạn chế: HS chưa tiếp cận trực tiếp và làm quen với các trung tâm học nghề, chưa đảm bảo được đầu ra cho HS. Phụ huynh chưa nhận thức rõ, đúng đắn trong việc học tập và cơ hội học tập, làm việc, giúp học sinh tự đánh giá đúng khả năng học tập của mình.

- Nguyên nhân: Tâm lý chạy theo bằng cấp còn nặng nề, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa ngành GD&ĐT và Phòng LĐTB&XH trong công tác phân luồng HS sau THCS, trong GDHN cho học sinh THCS. Tư vấn học đường nhiều năm qua ở các trường THCS không được quan tâm đúng mức. Hạn chế về chính sách lao động, việc làm và chính sách lương đối với người tốt nghiệp trình độ sơ và trung cấp dẫn đến hạn chế trong việc thu hút học sinh vào học các cơ sở GDNN.

5. Tổ chức dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục trung học

5.1. Kết quả đạt được/so sánh năm học 2021-2022

Tỷ lệ HS tham gia học ngoại ngữ đạt 100%. Xây dựng, phát triển môi trường học và sử dụng ngoại ngữ. Tổ chức cuộc thi hùng biện tiếng Anh ở cấp THCS dành cho học sinh và giáo viên cấp huyện, cấp tỉnh. Tiếp tục triển khai hoạt động sử dụng tiếng Anh trong sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn giáo viên tiếng Anh theo Công văn số 431/PGD&ĐT, ngày 18/10/2017 của Phòng Giáo dục và Đào tạo; công văn số 1485/SGD&ĐT-GDTrH ngày 17/8/2017 của Sở GD&ĐT về việc sử dụng tiếng Anh trong sinh hoạt tổ chuyên môn ngoại ngữ các trường phổ thông.

Đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh theo Công văn số 5333/BGD&ĐT-GDTrH ngày 29/9/2014 của Bộ GD&ĐT về việc triển khai kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực môn tiếng Anh cấp trung học từ năm học 2014-2015 và Công văn số 3333/BGD&ĐT-GDTrH ngày 07/7/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc định dạng đề thi đánh giá năng lực tiếng Anh dành cho học sinh phổ thông từ năm học 2015-2016. Tích cực vận dụng hình thức kiểm tra thực hành trong quá trình dạy học ngoại ngữ theo hướng cho học sinh trình bày chủ đề mở, phù hợp điều kiện thực tiễn và đặc điểm tâm lý, năng lực của người học.

Kết quả giáo dục môn tiếng Anh chưa đạt yêu cầu giáo dục, tỷ lệ học sinh học yếu, kém môn ngoại ngữ còn cao, chiếm 4,51%. (giảm 8,13% so với năm học 2021 – 2022).

5.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại: việc học ngoại ngữ trong nhà trường mới đáp ứng nhu cầu thi cử của học sinh.

- Hạn chế: Chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong nhà trường vẫn chưa bắt kịp với xu thế phát triển của xã hội.

- Nguyên nhân: Cơ hội tiếp xúc và môi trường để thực hành giao tiếp chưa nhiều.

6. Thực hiện Giáo dục STEM; thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa chuyển mạnh sang hướng hoạt động trải nghiệm; tăng cường tổ chức và quản lý các hoạt động giáo dục kỹ năng sống; kỹ năng khởi nghiệp.

6.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2021 - 2022.

Lồng ghép Giáo dục STEM trong PPCT ở các bộ môn Vật lý, Hóa học, Sinh học và Công Nghệ ngay từ đầu năm học.

Nhà trường đã thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục hướng nghiệp, nghề phổ thông, giáo dục giá trị sống, giáo dục kỹ năng sống trong các môn học và các hoạt động giáo dục. Triển khai hoạt động NCKH và phát động học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia cuộc thi KHKT, cuộc thi sáng tạo dành cho thanh thiếu niên nhi đồng trong nhà trường. Lồng ghép việc dạy học TNST, Giáo dục STEM ở các môn học.

6.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại: Việc lồng ghép Giáo dục STEM mang tính hình thức chưa đạt hiệu quả cao.

- Hạn chế: Lồng ghép Giáo dục STEM còn nhiều bất cập, thời gian tổ chức còn nhiều hạn chế.

- Nguyên nhân: Giáo viên chưa đi sâu nghiên cứu và tiếp cận chương trình một cách hệ thống, thiếu về các thiết bị hỗ trợ.

7. Quản lý việc dạy thêm học thêm; chấn chỉnh việc lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường; khắc phục tình trạng lạm thu;

8.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2021-2022

Do điều kiện cơ sở vật chất còn thiếu thốn nên nhà trường không tổ chức dạy thêm học thêm; việc quản lý hồ sơ sổ sách được nhà trường thực hiện theo quy định của cơ quan quản lý giáo dục.

Việc thực hiện khoản thu chi trong nhà trường được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch và có sự đồng thuận của phụ huynh học sinh.

8.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

III. Công tác chuẩn bị triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới

1. Việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông lớp 6,7 và chuẩn bị triển khai chương trình lớp 8.

1.1. Kết quả đạt được

Tham gia tập huấn chương trình giáo dục phổ thông mới theo kế hoạch của cấp trên, đồng thời triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới đến CBGV trong nhà trường.

Tổ chức dạy học chương trình giáo dục phổ thông mới đối với lớp 6,7 từ năm học 2021 – 2022 và 2022-2023 đúng tiến độ, quy định. Tiếp tục chuẩn bị các điều kiện để triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới đối với lớp 8.

1.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Tồn tại: Nguồn sách giáo khoa, sách tham khảo của chương trình giáo dục phổ thông 2018 chưa cung ứng kịp thời cho giáo viên và học sinh.

Hạn chế: Khối 6 vừa mới bước vào chương trình giáo dục phổ thông mới nên còn nhiều bỡ ngỡ, đến hết học kì I mới ổn định học tập.

Nguyên nhân: Nhà trường đã đăng kí số lượng SGK và đặt mua các ấn phẩm sách tham khảo sớm nhưng nhà xuất bản không cung cấp kịp thời.

1.3. Đề xuất, kiến nghị

Xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung thêm trang thiết bị dạy học, bảo đảm yêu cầu giảng dạy của chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ giáo viên theo nhu cầu thực tế của các địa phương, cơ sở giáo dục phổ thông, đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới. Đặc biệt đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy môn Khoa Học Tự Nhiên, giáo viên môn Lịch Sử - Địa lý đáp ứng yêu cầu chương trình mới.

2. Công tác đổi mới quản lí việc thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục theo hướng phân cấp, giao quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục.

2.1. Kết quả đạt được

Căn cứ chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, chương trình giáo dục phổ thông 2018 nhà trường đã chỉ đạo giáo viên rà soát xây dựng các chủ đề dạy học từng môn học hoặc liên môn; xây dựng kế hoạch giáo dục cho từng môn học, hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Thực hiện công tác tự chủ trong xây dựng PPCT, kế hoạch dạy học theo khung thời gian quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

2.2. Đề xuất, kiến nghị

Tuyên dương, khen thưởng, truyền thông nhân rộng điển hình và chia sẻ kinh nghiệm; chú trọng nêu gương giáo viên dạy tốt, khích lệ đổi mới, sáng tạo trong công

tác dạy – học.

Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ, hướng dẫn giáo viên thông qua sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học để giáo viên nắm bắt kịp thời nội dung đổi mới.

Lập, duy trì và bổ sung ngân sách để có quỹ phục vụ cho đổi mới PPDH, đổi mới kiểm tra đánh giá.

3. Việc bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

3.1. Kết quả đạt được

100% Cán bộ quản lý, giáo viên trong nhà trường tham gia bồi dưỡng, tập huấn chương trình GDPT mới và đã hoàn thành tự bồi dưỡng Môđun 1,2,3,4,5, 9.

3.2. Đề xuất, kiến nghị

Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý theo phương pháp tự học, đẩy mạnh kiểm tra đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng.

Tạo điều kiện về thời gian, nhân lực trong công tác đào tạo bồi dưỡng.

4. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, vệ sinh, có tính tham gia và dân chủ: đổi mới cơ chế quản lý chuyên môn; sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học; công tác bồi dưỡng các nội dung chuyên môn, nâng cao tay nghề cho giáo viên. Tăng cường điều kiện đảm bảo và sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý; tình hình tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn.

4.1. Kết quả đạt được

Thực hiện các phong trào xây dựng trường học “Xanh – Sạch Đẹp – An toàn” trong nhà trường. Tham gia đầy đủ các cuộc thi khác do cấp trên phát động.

Nhà trường đã tổ chức triển khai sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, bồi dưỡng công tác chuyên môn theo tổ/nhóm, thi tay nghề cho giáo viên nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

4.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại: Việc sinh hoạt tổ chuyên môn qua nghiên cứu bài học chưa được làm thường xuyên.

- Hạn chế: một số học sinh chưa có ý thức cao trong việc tham gia xây dựng môi trường an toàn, vệ sinh trường lớp.

- Nguyên nhân: Giáo viên đang phải thực hiện quá nhiều công việc trong thời gian ngắn như: tham gia xây dựng chương trình theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, thực hiện công tác bồi dưỡng, tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông 2018, thực hiện các hoạt động giáo dục tại đơn vị.

IV. Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý

1. Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý

1.1. Kết quả đạt được

Chất lượng hoạt động chuyên môn trong nhà trường đảm bảo kế hoạch đề ra. Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh trong học kỳ 2 đạt chỉ tiêu đề ra. Đội ngũ giáo viên đạt được kết quả cao trong các cuộc thi cấp huyện: 02 giáo viên đạt giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp huyện;

Tăng cường công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên cốt cán, bồi dưỡng giáo viên đại trà trong nhà trường thông qua công tác tự bồi dưỡng trên hệ thống LMS, các đợt tập huấn chuyên môn.

Có 04 giáo viên trong nguồn quy hoạch cán bộ quản lý; 02 giáo viên đã học xong lớp bồi dưỡng TC LLCT.

1.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại: Chất lượng hoạt động chuyên môn chưa đồng đều ở các bộ môn.
- Hạn chế: Việc bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý chưa có chính sách phù hợp.
- Nguyên nhân: Nguồn kinh phí hạn hẹp; Một số giáo viên ngại đổi mới công tác chuyên môn.

2. Giải pháp tăng cường hiệu quả quản lý đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý

2.1. Kết quả đạt được

Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục. 100% đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

V. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý

5.1. Kết quả đạt được

Đa số giáo viên thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tiết dạy. Nhà trường thực hiện quản lý hồ sơ, sổ sách, giáo án; đánh giá xếp loại học sinh; phân công chuyên môn, thời khóa biểu trên các phần mềm.

5.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại: Công tác theo dõi, kiểm tra việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy chưa ghi chép cụ thể.
- Hạn chế: Việc ứng dụng NCTT chưa đồng bộ trong đội ngũ giáo viên.
- Nguyên nhân: Các biện pháp, giải pháp chưa được linh hoạt, việc vận dụng áp dụng còn máy móc chưa có hiệu quả cao.

VI. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

- Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Tổ chức kế hoạch dạy học theo đúng Điều lệ nhà trường. Các hoạt động giáo dục thực hiện đúng theo kế hoạch đã đề ra.

- Xây dựng các loại kế hoạch, thiết lập các loại hồ sơ sổ sách theo qui định của ngành. Tổ chức và hướng dẫn thực hiện tốt công tác thanh kiểm tra trong nhà trường. Chỉ đạo hoạt động chuyên môn thường xuyên, kịp thời đúng qui định theo chỉ đạo của ngành.

- Thực hiện dân chủ trong cơ quan đơn vị, bám sát Nghị quyết hội nghị CB – VC, Nghị quyết của cấp ủy chi bộ và hướng dẫn của ngành để thực hiện nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường.

- Nhà trường đã chú trọng việc mua sắm CSVC, thiết bị dạy học đáp ứng một phần cho việc phục vụ dạy học có hiệu quả. Thực hiện việc mua sắm một số trang thiết bị phục vụ nhu cầu dạy và học ở một số bộ môn như: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ... Tuy nhiên vẫn chưa thể đáp ứng được yêu cầu phục vụ dạy và học.

- Tiếp tục phát huy hiệu quả phòng Tin học, phòng Thí nghiệm thực hành và tổ chức cho học sinh thực hành trên máy tính, thi Tiếng Anh, thi Toán trên mạng Internet.

- Sử dụng có hiệu quả các đồ dùng, thiết bị dạy học;

2. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại: Kết quả đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh chưa thực sự hiệu quả.

- Hạn chế: Giáo viên chưa làm quen với phương pháp mới, còn ngại trong việc đổi mới hình thức tổ chức dạy học, phần nhận xét còn mang tính chung chung, chưa đi vào phẩm chất năng lực cụ thể.

- Tồn tại: Tỷ lệ HS tham gia học tại các cơ sở GDTX, GDNN chưa cao.

- Hạn chế: HS chưa tiếp cận trực tiếp và làm quen với các trung tâm học nghề, chưa đảm bảo được đầu ra cho HS. Bậc phụ huynh chưa nhận thức rõ, đúng đắn hơn việc học tập và cơ hội học tập, làm việc, giúp học sinh tự đánh giá đúng khả năng học tập của mình.

- Tồn tại: việc học ngoại ngữ trong nhà trường mới đáp ứng nhu cầu thi cử của HS.

- Hạn chế: Chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong nhà trường vẫn chưa bắt kịp với xu thế phát triển của xã hội.

- Tồn tại: Việc sinh hoạt tổ chuyên môn qua nghiên cứu bài học chưa được làm thường xuyên.

- Hạn chế: Học sinh chưa ý thức cao trong việc tham gia xây dựng môi trường an toàn, vệ sinh trường lớp.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đảm bảo chương trình giáo dục phổ thông mới.

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân: Đổi mới chưa đồng bộ trong học liệu với phương pháp, hình thức tổ chức. SGK cũ nhưng sử dụng phương pháp mới gây khó khăn cho giáo viên trong công tác dạy và học, mất nhiều thời gian để biên soạn lại cho hợp với hình thức dạy học.

- Nguyên nhân: Tâm lý chạy theo bằng cấp còn nặng nề, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa ngành GD&ĐT và Phòng LĐ TB&XH trong công tác phân luồng HS sau THCS, trong GDHN cho học sinh THCS. Tư vấn học đường nhiều năm qua ở các trường THCS không được quan tâm đúng mức. Hạn chế về chính sách lao động, việc làm và chính sách lương đối với người tốt nghiệp trình độ sơ và trung cấp dẫn đến hạn chế trong việc thu hút học sinh vào học các cơ sở GDNN.

- Nguyên nhân: Cơ hội tiếp xúc và môi trường để thực hành giao tiếp chưa nhiều.

- Nguyên nhân: Giáo viên đang phải thực hiện quá nhiều công việc trong thời gian ngắn như: tham gia xây dựng chương trình theo hướng phát triển năng lực học sinh, thực hiện công tác bồi dưỡng, tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông 2018, thực hiện các hoạt động giáo dục tại đơn vị.

Biên chế giáo viên chưa đáp ứng nhu cầu của nhà trường.

4. Các giải pháp:

- Tranh thủ ý kiến chỉ đạo và giúp đỡ của cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, ngành giáo dục, Hội phụ huynh HS đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục. Tích cực tham mưu với các cấp giải quyết những vướng mắc trong việc thực hiện nhiệm vụ.

- Tranh thủ sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, tập trung đầu tư xây dựng CSVC theo hướng đồng bộ

- Xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong nhà trường, bồi dưỡng nâng cao trình độ đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định.

- Tăng cường công tác giáo dục tư tưởng chính trị đối với giáo viên để họ có ý thức trách nhiệm trước học sinh nhất là học sinh cá biệt, học sinh học yếu nhằm hạn chế tỉ lệ học sinh bỏ học, lưu ban

- Tăng cường các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ, giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục truyền thống, giáo dục trật tự an toàn giao thông, giáo dục thể chất, giáo dục thẩm mỹ, giáo dục kỹ năng thực hành hướng nghiệp

- Thực hiện dân chủ hóa trong trường học, công khai tài chính, tham mưu các cấp, các ngành địa phương thực hiện chủ trương của Đảng và nhà nước chăm lo cho sự nghiệp phát triển giáo dục

- Tăng cường công tác tự kiểm tra, kiểm tra toàn diện, kiểm tra chuyên đề, kiểm tra chéo các tổ, phát hiện sớm những thiếu sót để rút kinh nghiệm và chấn chỉnh kịp thời.

- Đẩy mạnh các hoạt động bồi dưỡng và tự bồi dưỡng, các hình thức hoạt động tổ, nhóm chuyên đề, thi HS giỏi, các cuộc thi tên Internet, giáo viên giỏi - làm đồ dùng dạy học, tổ chức thi KHKT sáng tạo, thi vận dụng kiến thức liên môn...

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2022 - 2023 của trường THCS Nguyễn Văn Trỗi./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Lưu VT.



ThS. Đỗ Thành Đạo

